

Số: /2014/TT-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm 2014

THÔNG TƯ

Hướng dẫn xử lý việc sở hữu cổ phần của tổ chức tín dụng vượt giới hạn quy định tại Luật các tổ chức tín dụng

Dự thảo lần 3

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng,

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) quy định về xử lý việc sở hữu cổ phần của tổ chức tín dụng vượt giới hạn quy định tại Luật các tổ chức tín dụng,

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về xử lý việc cổ đông, cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó sở hữu cổ phần của tổ chức tín dụng vượt giới hạn quy định tại Luật các tổ chức tín dụng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức tín dụng cổ phần có cổ đông, cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó sở hữu cổ phần vượt giới hạn quy định tại Luật các tổ chức tín dụng (sau đây gọi là tổ chức tín dụng).

2. Cổ đông, cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó sở hữu cổ phần của tổ chức tín dụng vượt giới hạn quy định. Người có liên quan của cổ đông là các đối tượng quy định tại khoản 27, khoản 28 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng và văn bản pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc điều chỉnh tỷ lệ sở hữu cổ phần vượt mức giới hạn theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng.

4. Các cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định của Chính phủ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần tại tổ chức tín dụng Việt Nam và hướng dẫn tại Thông tư này.

5. Cổ đông Nhà nước sở hữu cổ phần tại tổ chức tín dụng thực hiện việc điều chỉnh tỷ lệ sở hữu cổ phần theo phương án tái cơ cấu và phương án cổ phần hóa tổ chức tín dụng đó được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

6. Cổ đông thực hiện góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng theo chỉ định của Ngân hàng Nhà nước, thực hiện điều chỉnh tỷ lệ sở hữu cổ phần tại tổ chức tín dụng đó theo phương án thoái vốn (nếu có) được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.

Điều 3. Xử lý đối với trường hợp sở hữu cổ phần vượt giới hạn quy định phát sinh trước khi Luật các tổ chức tín dụng có hiệu lực:

Trường hợp tổ chức tín dụng có cổ đông, cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó sở hữu cổ phần vượt giới hạn phát sinh trước ngày Luật các tổ chức tín dụng có hiệu lực:

1. Tổ chức tín dụng phải có Kế hoạch xử lý dứt điểm các trường hợp cổ đông, cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó sở hữu cổ phần vượt giới hạn quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng chậm nhất trước ngày 31/3/2015, trừ các trường hợp thực hiện theo phương án tái cơ cấu tổ chức tín dụng đó đã được Ngân hàng Nhà nước hoặc Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Tổ chức tín dụng phối hợp với cổ đông, cổ đông và người có liên quan đang sở hữu cổ phần vượt giới hạn quy định có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính mà không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng) Kế hoạch xử lý việc sở hữu cổ phần vượt giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này. Kế hoạch xử lý phải có tối thiểu các nội dung sau:

a) Danh sách cổ đông, cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó (nêu rõ mối quan hệ liên quan) đang sở hữu cổ phần vượt giới hạn quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và số cổ phần, tỷ lệ cổ phần trên vốn điều lệ hiện đang sở hữu tại tổ chức tín dụng; trong đó nêu rõ số lượng/tỷ lệ cổ phần trên vốn điều lệ nhận ủy thác hoặc đứng tên hộ của cá nhân, tổ chức khác; số lượng/tỷ lệ cổ phần trên vốn điều lệ ủy thác hoặc nhờ đứng tên hộ cho cá nhân, tổ chức khác; quan hệ giữa bên nhận ủy thác và bên ủy thác, giữa bên đứng tên hộ và bên nhờ đứng tên hộ;

- Đối với cá nhân, trong danh sách phải nêu rõ họ, tên, số Giấy chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu, địa chỉ thường trú.

- Đối với tổ chức, trong danh sách phải nêu rõ tên tổ chức, địa chỉ đặt trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, mã số thuế.

b) Biện pháp và lộ trình xử lý việc sở hữu cổ phần vượt giới hạn quy định.

c) Cam kết của tổ chức tín dụng về việc thực hiện việc xử lý theo đúng lộ trình nêu trên.

3. Quá thời hạn 31/12/2014 hoặc thời hạn được nêu trong phương án tái cấu đã được Ngân hàng Nhà nước hoặc Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, nếu chưa đảm bảo việc sở hữu cổ phần trong giới hạn theo quy định, các tổ chức, cá nhân có liên quan bị áp dụng các biện pháp xử lý sau:

a) Xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

b) Cổ đông, cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó phải chuyển nhượng cổ phần cho Ngân hàng Nhà nước hoặc tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước chỉ định.

c) Cổ đông, cổ đông và người có liên quan không được quyền biểu quyết đối với số cổ phần sở hữu vượt tỷ lệ quy định.

d) Cổ đông, cổ đông và người có liên quan không được đề cử, ứng cử làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khi tổ chức tín dụng bầu bổ sung hoặc bầu nhiệm kỳ mới Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong thời gian còn sở hữu cổ phần vượt tỷ lệ.

4. Tổ chức tín dụng không được cấp tín dụng mới cho cổ đông, cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó đang sở hữu cổ phần tại tổ chức tín dụng vượt giới hạn quy định của pháp luật. Trường hợp cổ đông, cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó sở hữu cổ phần vượt giới hạn đang có dư nợ tín dụng tại tổ chức tín dụng mà mình đang là cổ đông, tổ chức tín dụng đó phải có biện pháp để sớm thu hồi toàn bộ dư nợ các khoản tín dụng của các đối tượng này chưa thanh toán.

Điều 4. Xử lý đối với trường hợp sở hữu cổ phần vượt giới hạn quy định phát sinh sau ngày Luật Các tổ chức tín dụng có hiệu lực

Trường hợp tổ chức tín dụng có cổ đông, cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó sở hữu cổ phần vượt giới hạn quy định phát sinh sau ngày Luật Các tổ chức tín dụng có hiệu lực:

1. Tổ chức, cá nhân có liên quan bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông, cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó phải xử lý số cổ phần sở hữu vượt giới hạn quy định trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày ban hành Quyết định xử lý vi phạm hành chính.

3. Quá thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, nếu chưa đảm bảo việc sở hữu cổ phần của tổ chức tín dụng trong giới hạn quy định của pháp luật, cổ đông, cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó bị áp dụng các biện pháp xử lý quy định tại điểm b, c, d khoản 3 Điều 3 Thông tư này.

3. Thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này.

Điều 5. Biện pháp xử lý việc sở hữu cổ phần vượt giới hạn

Tổ chức tín dụng, cổ đông, cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó sở hữu cổ phần của tổ chức tín dụng vượt giới hạn quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng được xử lý thông qua các biện pháp sau:

1. Tăng vốn điều lệ thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ hoặc phát hành thêm cổ phiếu mới ra công chúng.

2. Cổ đông, cổ đông và người có liên quan trong thời gian sở hữu cổ phần của tổ chức tín dụng vượt giới hạn quy định không được thực hiện mua cổ phần do tổ chức tín dụng đó phát hành thêm.

3. Cổ đông, cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó xử lý số cổ phần sở hữu vượt giới hạn quy định của pháp luật thông qua hình thức chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác hoặc phải chuyển nhượng cổ phần theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước.

4. Tổ chức tín dụng mua lại số cổ phần sở hữu vượt giới hạn của cổ đông, cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó để làm cổ phiếu Quỹ theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo quy định sau khi mua số cổ phần này.

5. Sáp nhập, hợp nhất với tổ chức tín dụng khác hoặc thực hiện tái cơ cấu theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

6. Các biện pháp xử lý khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Nguyên tắc chuyển nhượng, cho, tặng, thừa kế cổ phần

1. Việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn, chuyển nhượng cổ phần dẫn đến cổ đông thường thành cổ đông lớn và ngược lại phải được Ngân hàng Nhà nước

chấp thuận bằng văn bản trước khi tiến hành chuyển nhượng và thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2. Việc cho, tặng, thừa kế cổ phần của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và các quy định sau:

a) Việc cho, tặng cổ phần phải đảm bảo quy định của pháp luật về giới hạn sở hữu cổ phần.

b) Trường hợp sau khi nhận cổ phần thừa kế dẫn đến cổ đông hoặc cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó sở hữu cổ phần vượt giới hạn quy định, cổ đông, cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó có trách nhiệm xử lý số cổ phần vượt giới hạn trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày tiếp nhận số cổ phần được thừa kế nêu trên.

c) Cổ đông lớn có trách nhiệm thông báo cho tổ chức tín dụng chậm nhất ba mươi (30) ngày trước khi thực hiện việc cho, tặng cổ phần của tổ chức tín dụng, trong đó có các thông tin về đối tượng nhận cổ phần quy định tại điểm b(i) khoản 1 Điều 3, số lượng cổ phần và tỷ lệ cổ phần trên vốn điều lệ dự kiến cho, tặng.

d) Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cổ đông lớn nêu tại điểm c khoản này, tổ chức tín dụng có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính mà không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng) về việc cho, tặng cổ phần nêu trên.

3. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng sở hữu cổ phần vượt giới hạn quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng trong thời gian đảm nhiệm các chức danh trên, được phép chuyển nhượng số cổ phần sở hữu vượt giới hạn quy định.

Điều 7. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng

1. Rà soát danh sách các cổ đông, cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó sở hữu cổ phần vượt giới hạn quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và phối hợp với các cổ đông này xây dựng Kế hoạch xử lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư này, báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) chậm nhất trước ngày..../..../2014.

2. Đôn đốc, theo dõi việc các cổ đông, cổ đông và người có liên quan của cổ đông thực hiện xử lý việc sở hữu cổ phần theo Kế hoạch nêu tại khoản 1 Điều này;

kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

3. Thực hiện các quy định về hồ sơ, thủ tục đề nghị chuyển nhượng cổ phần theo quy định của pháp luật và đảm bảo tính chính xác, trung thực của thông tin cung cấp tại hồ sơ.

4. Thường xuyên thu thập, tổng hợp thông tin về tình hình sở hữu cổ phần và chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông, cổ đông và người có liên quan của cổ đông; báo cáo định kỳ về danh sách cổ đông, cổ đông và người có liên quan của cổ đông theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

5. Trường hợp phát hiện vi phạm pháp luật về sở hữu, chuyển nhượng cổ phần, tổ chức tín dụng thông báo cho cổ đông, cổ đông và người có liên quan của cổ đông vi phạm giới hạn sở hữu cổ phần để có biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật và báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính đầy đủ, kịp thời, trung thực trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày phát hiện vi phạm để xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Trách nhiệm của cổ đông, cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó:

1. Hợp tác với Ngân hàng Nhà nước, cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan và tổ chức tín dụng để xử lý số cổ phần sở hữu vượt giới hạn theo quy định của pháp luật.

2. Chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật về cổ đông lớn của tổ chức tín dụng, việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông tại tổ chức tín dụng.

3. Rà soát các quy định về giới hạn sở hữu cổ phần, chuyển nhượng cổ phần tại tổ chức tín dụng trước khi thực hiện các giao dịch mua, nhận, chuyển nhượng, cho, tặng cổ phần của tổ chức tín dụng để đảm bảo tuân thủ đúng pháp luật.

4. Trường hợp cổ đông tự phát hiện vi phạm các quy định về sở hữu cổ phần, chuyển nhượng cổ phần của tổ chức tín dụng, cổ đông, cổ đông và người có liên quan của cổ đông báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính mà không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng) trong phạm vi năm (05) ngày kể từ ngày phát hiện vi phạm và đề xuất biện pháp xử lý (nếu có).

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ thông tin về sở hữu, chuyển nhượng cổ phần tại tổ chức tín dụng.

Điều 9. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính (trừ những nơi có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)

1. Rà soát báo cáo của tổ chức tín dụng gửi theo quy định tại Thông tư này đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và có yêu cầu bổ sung thông tin hoặc giải trình làm rõ nếu xét thấy cần thiết.

2. Rà soát, giám sát, hướng dẫn, chỉ đạo các tổ chức tín dụng xử lý việc sở hữu cổ phần vượt giới hạn theo kế hoạch mà tổ chức tín dụng đã báo cáo và quy định tại Thông tư này.

3. Định kỳ báo cáo Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng việc điều chỉnh tỷ lệ sở hữu cổ phần của tổ chức tín dụng có trụ sở chính trên địa bàn (trường hợp có cổ đông, cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó sở hữu cổ phần vượt giới hạn), cụ thể như sau:

- Tiến độ thực hiện việc điều chỉnh tỷ lệ sở hữu cổ phần của tổ chức tín dụng, trong đó nêu rõ khó khăn, vướng mắc, đề xuất xử lý (nếu có);

- Biểu báo cáo tổng hợp tình hình cổ đông, cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó sở hữu cổ phần vượt giới hạn quy định, trong đó có đầy đủ thông tin nêu tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư này.

Điều 10. Trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng

1. Tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý các vấn đề vướng mắc phát sinh liên quan đến xử lý việc sở hữu cổ phần vượt tỷ lệ tại tổ chức tín dụng.

2. Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng thực hiện trách nhiệm nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều 9 Thông tư này.

Điều 11. Trách nhiệm của các Vụ, Cục, đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước

Các Vụ, Cục khác có trách nhiệm tham gia ý kiến về vấn đề liên quan khi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có đề nghị.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày.....tháng.....năm 2014.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

Chánh văn phòng, Chánh thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức tín dụng đặt

trụ sở chính, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát tổ chức tín dụng có trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Noi nhận:

- Như Điều 13;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Lưu: VP, PC, TTGSNH6 (4).

THÔNG ĐÓC